TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CP CHẾ TẠO MÁY - VINACOMIN

Số: 616 /BC-VMC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 20 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2018

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chế tạo máy –VINACOMIN;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế, mã số doanh nghiệp: 5700495999 cấp ngày 31 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 11 năm 2016; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh;

- Vốn điều lệ: 46.973.510.000 VNĐ;

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 VNĐ;

- Địa chỉ: Số 486 Đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

- Số điện thoại: 0203.3862319; 0203.3862401; 0203.3862875;

- Số fax: 0203.3862034;

- Website: www.chetaomay.com.vn;

- Mã cổ phiếu: CTT;

- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Tiền thân là Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả được thành lập ngày 23/7/1968 theo Quyết định số 739 QĐ/KB2 ngày 23/7/1968 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng; Theo Thông báo số 143/TB ngày 5/5/1993 của Văn phòng Chính phủ về việc cho thành lập lại Công ty Cơ khí mỏ; Bộ Năng lượng có Quyết định số: 468 NL/TCCB-LĐ ngày 30/6/1993 về việc thành lập lại Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả thuộc Công ty Cơ khí mỏ.

Sau khi sáp nhập trở lại Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 28/2001/QĐ-BCN ngày 23/5/2001 của Bộ Công nghiệp. Ngày 12/5/2004 Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Chế tạo máy Than Việt Nam

Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 3675/QĐ-BCN Ngày 18/12/2006 Bộ Công nghiệp. Công ty đã Đại hội đồng cổ

đông thành lập Công ty vào ngày 28/2/2008 và được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động từ 3/2008.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo, sửa chữa, phục hồi các thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành khai thác mỏ và các ngành kinh tế khác.

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Hiện nay Công ty đang cung cấp các dịch vụ sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
2	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phân điều khiển và truyền chuyển chuyển động	2814
3	Sản xuất thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
4	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
5	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
6	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải(trừ ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác)	3315
9	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12	Đúc sắt, thép	2431
13	Đúc kim loại màu	2432
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
16	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
17	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18	Sản xuất nồi hơi(trừ nồi hơi trung tâm)	2513
19	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
20	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
21	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
22	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
23	Xây dựng công trình công ích	4220
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
25	Phá dỡ	4311
26	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27	Sản xuất khác chưa phân vào đâu	3290

28	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa phân vào đâu	3099
29	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và to axe	3020
30	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
31	Bán buôn thực phẩm - Bán buôn thủy sản - Bán buôn thực phẩm khác	4632
32	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Thiết kế cơ điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp - Thiết kế cơ khí công trình xây dựng	7110
33	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1.Mô hình quản trị: Bao gồm

*** Đại hội đồng cổ đông:** ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*** Hội đồng quản trị:** HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ quy định.

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

***Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty về mọi mặt nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo mọi hoạt động của công ty hoàn toàn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

*** Ban Giám đốc:** Ban Giám đốc gồm Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 kế toán trưởng. Giám đốc, Phó giám đốc. Kế toán trưởng Công ty do HĐQT Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

Phó Giám đốc là người trợ giúp, tham mưu, tư vấn cho Giám đốc theo các chức năng nhiệm vụ được phân công.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY (Tại thời điểm 31/12/2018)

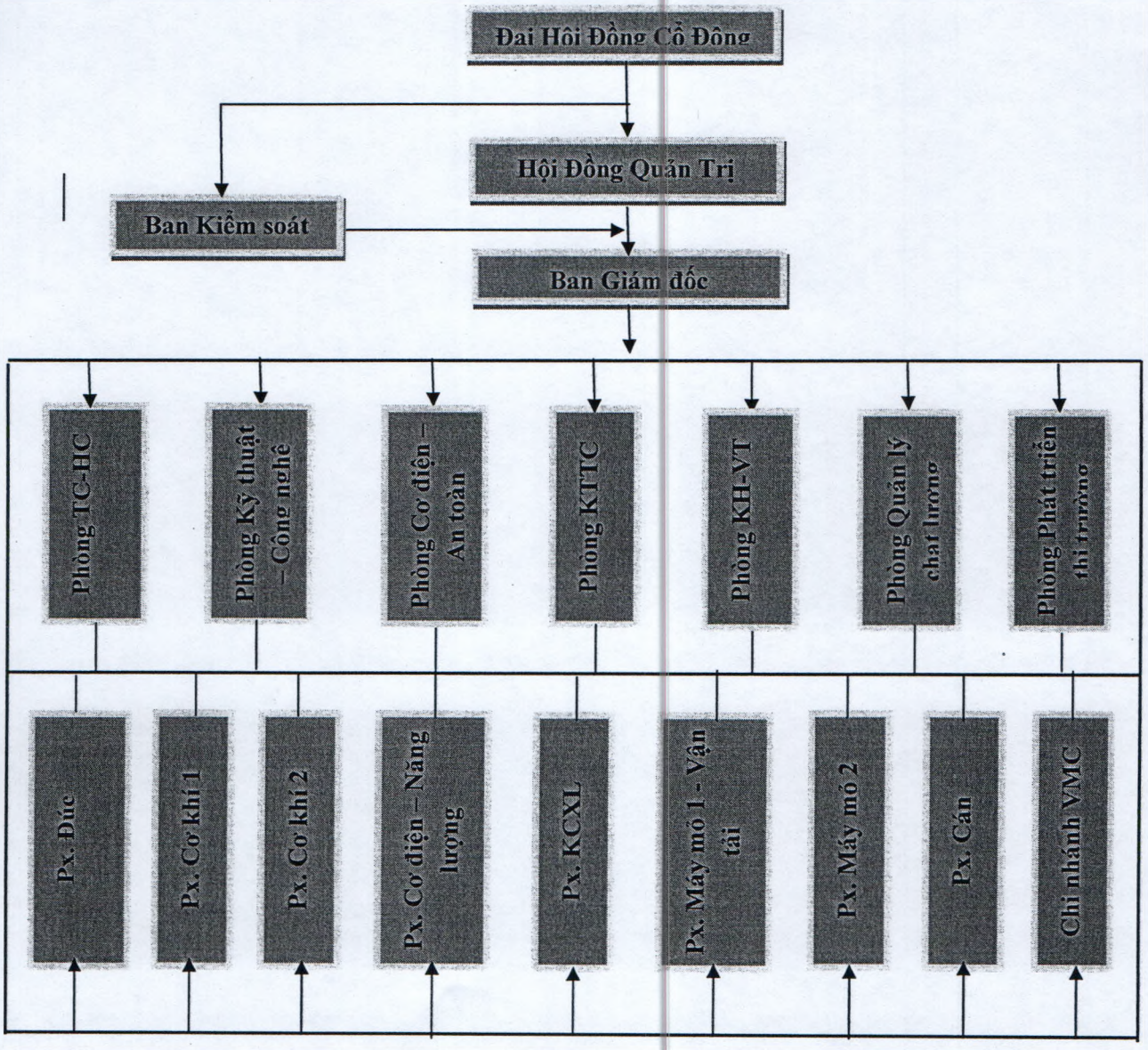

Nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc được quy định theo Quyết định số 3145/QĐ-VMC ngày 26/10/2018 của Giám đốc Công ty.

Tên gọi, chức năng nhiệm vụ các phòng ban, phân xưởng được quy định cụ thể theo Quyết định số 2896/QĐ-VMC ngày 02/10/2018 của Giám đốc Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN tại Hà Nội được quy định theo quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định.

* Chi nhánh của Công ty tại Hà Nội

a. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN;

Địa chỉ chi nhánh: Số 93 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0435144128 Fax: 0203382516

Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành(theo phân nghành kinh tế quốc dân)
1	Chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị và phụ tùng cho các ngành khai thác khoáng sản, năng lượng và các ngành khác;	2924: (29241; 292411; 292412;) 29242; 2913
2	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đúc, cán kéo thép, kết cấu kim loại, khí ô xy-ni tơ;	28: (281; 2811; 28112; 281123; 281124; 28113-281130); 2812: (281121; 281129;); 2813 ; 289: (2891; 28911-289110; 28912; 2892; 28921-289210;241128;241129, 2711-2720
3	Kinh doanh ống thép áp lực, thiết bị áp lực cao	269521; 2919;
4	Chế tạo phụ tùng và sửa chữa phương tiện vận tải thuỷ;	35112-351120; 352-3520
5	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và ống bê tông chịu áp lực cao;	269521; 5234; 5143
6	Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp và dân dụng, san lấp, tôn tạo mặt bằng;	45: (451-4510; 45112-451110;) ; 452; 4523; 453-4530
7	Mua bán , xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hoá, đại lý;	511-5110: (5112-5120; 51131-511310); 5142; 5239; 51454; 5149; 5239; 524-5240; 515: 5155150

4. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệpThan - Khoáng sản Việt Nam về đầu tư, quản trị lao động, sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2035; Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc

đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước; Công ty phát triển theo hướng: hiện đại hoá cơ khí sửa chữa, tăng cường đẩy mạnh cơ khí chế tạo tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất, thực hiện Đề án tái cơ cấu lại Công ty; nâng cao năng lực sản xuất, bảo đảm chất lượng, tiến độ cung cấp sản phẩm đã cam kết với khách hàng; từng bước củng cố và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động và góp phần an sinh xã hội.

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH TRONG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018-2025

Chỉ tiêu \ Năm	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025
Doanh thu (tỷ đồng)	1.130	1.232	1.300	1.380	1.460	1.500	1.550	1.600
Tỷ lệ % (so với năm trước)	107	108	106	106	106	103	103	103
Lợi nhuận (tỷ đồng)	8,4	9	9,5	9,9	10,4	11	11,5	12
Lao động (người)	936	861	860	860	860	860	860	860
Thu nhập b/q (Tr.đ/ng/th)	7.254	7.545	7.700	8.000	8.245	8.500	8.500	8.500

Đảm bảo môi trường: Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật BVMT; kiểm soát chất thải từ quá trình sản xuất không để phát tán ra môi trường, quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Đặc biệt quan tâm đến việc xử lý nước thải sau mạ, khí thải tại phân xưởng Cán thép, phân xưởng Đúc, bụi từ công nghệ phun cát làm sạch chi tiết…Tiếp tục thực hiện các các biện pháp cải thiện môi trường lao động, môi trường cảnh quan trong Công ty. Thực hiện cải tạo hệ thống nhà xưởng, đầu tư thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị cũ đã lạc hậu….

5. Các rủi ro:

Là đơn vị chuyên sản xuất, cung cấp dây chuyền, thiết bị phục vụ cho sản xuất khai thác mỏ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ biến động của hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ than, khoáng sản cũng như hoạt động chung của Tập đoàn. Nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán, biến động của giá sắt thép và các phụ tùng liên quan sẽ gây biến động lớn trong chi phí đầu vào của Công ty. Mặt khác phương tiện, thiết bị phần lớn đã lạc hậu, xuống cấp; nguồn nhân lực tại một số thời điểm chưa đáp ứng được yêu cầu nên khi triển khai các dự án công trình lớn gặp khó khăn. Thị trường của Công ty phụ thuộc lớn vào kế hoạch đầu tư, số lượng sửa chữa, trung tu thiết bị của các đơn vị trong ngành, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này

ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Cạnh tranh một mặt không trách khỏi áp lực phải hạ giá thành sản phẩm và lợi nhuận, mặt khác lại đòi hỏi doanh nghiệp phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị trường tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng và tiến độ sản phẩm.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh chung trên toàn quốc, kinh tế đất nước bắt đầu khởi sắc, đối với ngành than gặp nhiều thuận lợi tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên trong tình hình tài chính chung của ngành, tài chính của Công ty gặp khó khăn, công nợ còn cao. Bên cạnh đó Công ty tiếp tục gặp những khó khăn đã tồn tại từ những năm qua đó là: Lực lượng lao động lành nghề giảm sút, phần lớn máy móc thiết bị đã xử dụng lâu năm, độ chính sác kém, năng suất thấp; thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn chưa cao.

Trong năm 2018, Đại hội đồng cổ đông đã hiệu chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị đã xây dựng ban hành quy chế quản trị, quy chế quản lý công tác vật tư, kịp thời nắm bắt tình hình, hàng tháng đều ra các nghị quyết để chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn. Giám đốc điều hành Công ty đã tập trung điều hành thực hiện các phương án tìm kiếm việc làm kết hợp với tăng cường các mặt quản lý, đặc biệt là triển khai kịp thời hàng loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí, ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, phân xưởng sau khi tái cơ cấu sắp xếp lại tổ chức, định biên lao động, ban hành các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018, xây dựng hệ thống thang bảng lương,...vv, nhằm giảm thiểu chi phí quản lý Công ty năm 2018 và những năm tiếp theo, xây dựng lại định mức chi phí quản lý Công ty, định mức lao động tiền lương phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và pháp luật hiện hành;

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và được sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc điều hành, Đảng ủy công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Thanh niên, Hội cựu chiến binh tạo ra sức mạnh tổng hợp, nhất trí trong hệ thống chính trị, tạo ra niềm tin của người lao động, giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ Công ty tập trung cho việc thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất và đời sống, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của CB, CN, người lao động Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông, Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt bậc toàn diện các mục tiêu: Duy trì sản xuất, bảo toàn đội ngũ và giữ vững ổn định đời sống của người lao động. Thực hiện vượt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, vốn của các cổ đông được bảo toàn. Cụ thể kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2017	KH Đại hội cổ đông 2018	Thực hiện năm 2018	Tỷ lệ %	
						So với TH 2017	So với KH ĐHCĐ 2018
1	2	3	4	5	7	7/4	7/5
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.123.726	1.130.000	1.485.000	132	131,4
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	441.256	430.000	504.147	114	117,2
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	8.583	8.400	9.898	115	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.862		7.902	115	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%	11,02		15,89	144	
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%	14,6		21,07	144	
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	556.926		533.732	96	
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.		201.871		176.229	0,87	
8	Nợ dài hạn	Tr.đ	35.822		18.865	0,52	
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.		35.022		18.065	0,52	
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn		0,80		0,77	0,96	
10	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	81.340	81.482	94.105	115,6	115,5
11	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	938	936	882	94	94
12	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/ng /th	7,226	7,254	8,891	123	122,6
13	Cổ tức	%	8	9			

2. Tổ chức và nhân sự

* Danh sách Ban Điều hành tại thời điểm 31/12/2018:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty	Đại diện phần vốn TKV	
2	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	14.107	
3	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	11.662	
4	Tăng Bá Khang	PGĐ Công ty	9.911	
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng Công ty	22.594	

* Số lượng CB, CN, người lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 801 người bao gồm:

- Trình độ Thạc sỹ : 10 người;
- Trình độ Đại học : 151 người;
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp: 13 người;
- Công nhân kỹ thuật: 593 người;
- Lao động phổ thông : 34 người.

* Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty ổn định và phát triển bền vững, hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thông qua việc tuyển dụng bổ sung và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ hàng năm và hàng kỳ, đồng thời sắp xếp bố trí lao động linh hoạt, làm việc ở các vị trí hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện thuân lợi nhất để người lao động phát huy được năng lực, trí tuệ của mình trong công tác, trong học tập, nghiên cứu, quản lý để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

- Chính sách đào tạo

Các chính sách về đào tạo hàng năm luôn được Công ty chú trọng. Các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo định kỳ hàng năm cho 100% công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý các cấp, nhân viên phục vụ ở các lĩnh vực liên quan luôn được Công ty thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, Công ty cũng cử các cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc ở tất cả các bộ môn quản lý có liên quan như: Công tác quản lý lao động tiền lương, nghiệp vụ văn phòng, thị trường, Tài chính Kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, công nghệ môi trường, an toàn lao động... Đối với các lao động trực tiếp, Công ty đào tạo nâng cao kiến thức lý thuyết và tay nghề và tổ chức thi nâng bậc lương hàng năm.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho CB, CN, người lao động công khai, công bằng, chính sách lương thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để CB, CN, người lao động sáng tạo trong công việc, gắn bó lâu dài với Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi, không bình quân chủ nghĩa đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến các nhân viên có chuyên môn giỏi, trình độ cao. Bên cạnh đó, Công ty còn trích quỹ tiền lương khuyến khích, quỹ khen thưởng để thưởng cho CB, CN, người lao động vào các ngày Lễ, Tết như: Tết Dương lịch, Tết Âm lịch, ngày 1/5, ngày 2/9, các ngày kỷ niệm truyền thống của Công ty, ngành….

Bên cạnh việc đảm bảo các chế độ đối với người lao động theo Bộ luật lao động, Công ty luôn quan tâm chú trọng đến hoạt động của các tổ chức đoàn thể. Tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động khá hiệu quả và đã tạo điều kiện cho CB, CN, người lao động trong Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công đoàn thường xuyên có các hoạt động thăm hỏi, quà mừng lễ tết thiếu nhi, tổ chức các hội thi văn hóa, văn nghệ, thể thao cho CB, CN, người lao động. Đoàn thanh niên là tổ chức đi đầu trong phong trào thi đua, là nơi phát triển của thanh niên, tạo lực lượng quản lý kế thừa được đào tạo bài bản, vững chắc trong tương lai.

- Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng 9%/ năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt và Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam. Cụ thể như sau:

Giá trị thực hiện năm 2018 đạt: 17.388 triệu đồng/ 19.901 triệu đồng đạt 87% kế hoạch điều chỉnh năm, trong đó:

- Chi phí xây lắp: 2.788/2.810 triệu đồng đạt 99% kế hoạch điều chỉnh năm;

- Chi phí thiết bị: 14.431/16.131 triệu đồng đạt 89% kế hoạch điều chỉnh năm;

- Chi phí khác: 169/960 triệu đồng đạt 18% kế hoạch điều chỉnh năm;

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát nội dung yêu cầu quy định trong Luật xây dựng; Hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định.

Các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	655.014.413.824	614.872.332.243	
Doanh thu thuần	1.122.885.877.503	1.484.811.904.998	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.866.819.346	9.590.415.278	
Lợi nhuận khác	717.158.716	307.694.290	
Lợi nhuận trước thuế	8.583.978.062	9.898.109.568	
Lợi nhuận sau thuế	6.862.697.729	7.902.471.820	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: *(TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn)*	80	78	
+ Hệ số thanh toán nhanh: *[(TS ngắn hạn – HTK)/Tổng nợ ngắn hạn]*	56	41	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,9	0,9	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,52	9,38	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: - Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân - Doanh thu thuần/Tổng tài sản	 5,6 1,71	 7,01 2,41	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,61	0,53	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,0	13,4	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1	1,3	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	70,06	64,59	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số CP đang lưu hành: 4.697.351 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần

- Loại cổ phần. Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

b. Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226, Đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	1.925.100	40,98
2	Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo máy	486 Đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	70.466	1,5
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24,Đường Cù Chính Lan,quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	345.000	7,34
4	Ngân hàng TMCP Đại chúng	Số 22 Đường Ngô	72.271	1,53

	Việt Nam	Quyền, quậnHoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.		
5	Công ty CP Chứng khoán FPT	Số 52, Đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội	30	0,00063
5	Cổ đông là cá nhân		2.284.499	48,63
Tổng số			**4.697.351**	**100**

- Danh sách cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông lớn	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226, Đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	1.925.100	40,98
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	Số 24,Đường Cù Chính Lan,quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	345.000	7,34

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Trong năm 2018 Công ty không phát hành chứng khoán .

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng giá trị nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2018: 1.204.227 triệu đồng

b) Tỉ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: 6.925/1.204.227 triệu đồng đạt 0,6%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

* Tình hình tiêu thụ điện năng năm 2018

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Sản lượng điện tiêu thụ toàn Công ty 2018: 10.567.567 kWh
- Sản lượng điện tiêu thụ cho sản xuất: 10.366.167 kWh
- Sản lượng điện tiêu thụ cho sinh hoạt: 185.124 kWh

b) Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

- Thay hệ thống đèn chiếu sáng từ bóng đèn sợi đốt và bóng Halogien cao áp (250W và 500W) bằng đèn LED 150W tiết kiệm điện: 150.000 kWh/năm.
- Sử dụng phụ tải công suất lớn vào giờ thấp điểm.
- Ngừng hoạt động 01 máy biến áp, trạm biến áp 750 hoạt động non tải bằng biện pháp dồn phụ tải: 39.420 kWh/năm.

- Áp dụng đưa các công nghệ tiên tiến vào điều khiển các thiết bị có công suất lớn, như: Biến tần, Packer, Khởi động mềm....thực hiện thay thế bằng các thiết bị tiên tiến khi thiết bị cũ đã lỗi thời và xuống cấp: Tiết kiệm 250.000 kWh/năm.

- Tổng năng lượng tiết kiệm: 439.420 kWh/năm.

6.3.Tình hình tiêu thụ nước năm 2018

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước mua: 179.916 m^3

- Nước tuần hoàn: 1.306.096 m^3

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng .

- Tổng lượng nước sử dụng: 1.486.012 m^3

- Tỷ lệ % nước tái chế/sử dụng: 87,9%

6.4. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

- Việc bảo vệ môi trường tại mặt bằng sản xuất của Công ty và tại các địa điểm thi công luôn được Công ty thực hiện một cách nghiêm túc theo Luật định, không gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân trên địa bàn gồm: Đề án bảo vệ môi trường, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh ra Quyết định số 32/QĐ-TNMT ngày 22 tháng 01 năm 2009; Hồ sơ xin cấp lại giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp giấy phép xả thải số 404/GP-TNMT ngày 16 tháng 9 năm 2016; xác nhận việc hoàn thành các công trình BVMT được cấp giấy xác nhận số 2347/MT-TNMT ngày 20 tháng 10 năm 2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh xác nhận việc Công ty đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án Bảo vệ môi trường của Công ty; Giấy xác nhận bổ sung các công trình bảo vệ môi trường số 1445/GXN-TNMT ngày 22/5/2014 và số 4028/TNMT-BVMT ngày 15/9/2016; Hồ sơ xin đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và bổ sung công trình tự xử lý chất thải nguy hại, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với Mã số quản lý chất thải nguy hại 22.000.091.T; Định kỳ thuê các đơn vị có chức năng thực hiện quan trắc môi trường tổng thể theo quy định của Đề án Bảo vệ môi trường 6 tháng/lần; quan trắc và phân tích môi trường nước thải theo đề án xả thải 1 lần/ quý.

Nhờ tuân thủ các quy định về môi trường nên trong quá trình sản xuất của Công ty không vi phạm và không bị xử phạt về vi phạm môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân trong năm 2018: 882 người, mức lương thu nhập bình quân đạt 8.891.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

Đảm bảo các chế độ cho người lao động: khám chữa bệnh định kỳ, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty; đảm bảo chất lượng, định lượng bữa ăn công nghiệp cho người lao động.

Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ quần chúng nội bộ Công ty và tham gia với Tập đoàn, địa phương. Tổ chức cho CB, CN, người lao động tham quan học tập kinh nghiệm để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Để phát triển nguồn nhân lực Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN đã tập trung vào việc xây dựng kế hoạch đào tạo với những nội dung chính như sau:

- Thực hiện kế hoạch hóa nguồn nhân lực bằng quá trình đánh giá, xác định nhu cầu về nguồn nhân lực để đáp ứng mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty hàng năm từ đó xây dựng các kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Công ty.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngắn hạn: hàng năm căn cứ kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch thực hiện của một năm hay một chu kỳ sản xuất để tổ chức tự đào tạo hoặc phối hợp cùng các cơ sở đào tạo để thực hiện các công tác đào tạo, tuyển dụng nhân lực.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực dài hạn: Trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty, của Tập đoàn TKV, xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch đào tạo của từng giai đoạn trong chiến lược hoặc một chu kỳ sản xuất nhằm đáp ứng cho chiến lược thực hiện nhiệm vụ SXKD, phát triển Công ty trong các giai đoạn với số

lao động cần có trong tương lai để Công ty có nguồn nhân lực dự phòng phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty

- Phối hợp cùng các trường Cao đẳng: Cao đẳng nghề Công thương Thái nguyên, Cao đẳng nghề Công nghiệp Cẩm phả, Cao đẳng nghề Than – Khoáng sản thực hiện tuyển dụng đào tào mới, đào tạo lại bổ sung, chuyển đổi nghề cho lao động, mở các lớp và thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề cho công nhân.

- Phối hợp cùng Trường Quản trị kinh doanh – VINACOMIN thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên.

- Số giờ đào tạo trung bình năm:

TT	Nội dung học	Số giờ học	Kinh phí (Tr. Đồng)	Nơi đào tạo	Ghi chú
1	Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, chuyên môn nghiệp vụ	3.077	369,6	Trường Đại học, Cao đẳng, Quản trị kinh doanh.	
2	Bồi dưỡng nâng cao trình độ công nhân kỹ thuật	7.665	459,8	Tại Công ty và các cơ sở đào tạo	
	Cộng (1+2)		829,4		

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương .

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp, Công ty còn thực hiện tốt công tác xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện. Trong năm 2018, Công ty tham gia nhiều hoạt động xã hội như: Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn (Phụng dưỡng 01 nạn nhân chất độc da cam tại phường Bãi Cháy thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh). Ngoài ra trong năm 2018 Công ty thường xuyên ủng hộ các quỹ, các tổ chức nhân đạo từ thiện, thăm hỏi tặng quá cho các gia định CB, CN, người lao động có hoàn cảnh khó khăn…

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2018, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của HĐQT cùng với sự phối hợp lãnh đạo sâu sát của Ban chấp hành Đảng uỷ, sự phối hợp của các đoàn thể Công đoàn, Thanh niên, Cựu chiến binh, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của CB, CN, người lao động Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông, bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện quyết liệt các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn, tập trung điều hành thực hiện các phương án tìm kiếm việc làm kết hợp với tăng cường các mặt quản lý, đặc biệt là triển khai kịp thời hàng loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí, ban hành hệ thống Thang bảng lương,

Quy chế quản lý công tác vật tư..vv. Tuy nhiên trong năm 2018 sự cạnh tranh về việc làm giữa các đơn vị Cơ khí trong ngành và ngoài ngành ngày càng gay gắt và quyết liệt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn thấp.

Thực hiện chủ trương chung của Hội đồng quản trị, BGĐ điều hành đã phát huy thế mạnh, tìm các giải pháp để khắc phục khó khăn nhằm giữ vững sản xuất, ổn định đời sống người lao động. Năm 2018, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm, do đó đã thực hiện đạt doanh thu kỷ lục 1.485 tỷ đồng, vượt trên 30% theo KH, các chỉ tiêu khác đều đạt và vượt kế hoạch. Kết quả thực hiện cả năm đạt tốt, đồng đều các chỉ tiêu, đã ổn định việc làm cho người lao động, thu nhập bình quân thực tế đạt trên 8,8 triệu đồng/người/tháng. Công ty cũng triển khai toàn diện các mặt sản xuất, công tác, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Triển khai và ứng dụng văn phòng điện tử, quản lý vật tư; phần mềm kế toán..

+ Sắp xếp tinh giảm ổn định bộ máy quản lý sản xuất: Thực hiện chương trình tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2018-2025. Trong đó số đầu mối từ 09 phòng, 08 Phân xưởng, 01 Chi nhánh xuống 07 phòng, 08 Phân xưởng, 01 Chi nhánh.

+ Chú trọng quan tâm công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác...

+ Luân chuyển vốn hợp lý để tiết giảm chi phí tài chính; Quy hoạch và đào tạo cán bộ, công nhân phù hợp với từng vị trí công việc; Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2017	Thời điểm 31/12/2018
TỔNG TÀI SẢN		**655.014.413.824**	**614.872.332.243**
I	**Tài sản ngắn hạn**	**443.415.597.274**	**415.499.647.321**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.695.679.474	2.408.347.150
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	304.184.880.657	294.739.759.110
4	Hàng tồn kho	133.071.716.038	112.141.623.233
5	Tài sản ngắn hạn khác	4.463.321.105	6.209.917.828

II	**Tài sản dài hạn**		**211.598.816.550**	**199.372.684.922**
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		203.716.698.747	189.801.328.133
3	Bất động sản đầu tư			
4	Tài sản dở dang dài hạn			
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
6	Tài sản dài hạn khác		7.882.117.803	9.571.356.789
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			**655.014.413.824**	**614.872.332.243**
I	**Nợ phải trả**		**592.748.120.975**	**552.598.059.231**
1	Nợ ngắn hạn		556.926.221.172	533.732.801.231
2	Nợ dài hạn		35.821.899.803	18.865.258.000
II	**Vốn chủ sở hữu**		**62.266.292.849**	**62.274.273.012**
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		46.973.510.000	**46.973.510.000**
2	Quỹ đầu tư phát triển		1.498.205.970	2.288.730.519
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
4	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		5.195.665.631	3.373.347.154
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.598.911.248	9.638.685.339
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			

b. Tình hình nợ phải trả

Thực hiện chủ trương của HĐQT Công ty và để duy trì uy tín trên thị trường, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Riêng với nghĩa vụ tài chính, hiện tại Công ty không có các khoản nợ, khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước nào quá hạn phải trả.

Bảng kê chi tiết các khoản phải trả

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2017	Thời điểm 31/12/2018
I - Nợ ngắn hạn	**556.926.221.172**	**533.732.801.231**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	308.251.631.582	310.716.183.862
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.700.678.039	6.757.910.542
3. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	67.975.263	690.061.949
4. Phải trả người lao động	19.755.398.246	23.861.499.176
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	389.455.859	4.800.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		1.292.500
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
9. Phải trả ngắn hạn khác	4.415.453.970	1.790.539.307

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	201.871.480.724	176.229.690.934
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	10.936.441.133	12.752.159.325
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.537.706.356	928.663.636
13. Quỹ bình ổn giá		
II - Nợ dài hạn	**35.821.899.803**	**18.865.258.000**
1. Phải trả người bán dài hạn		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		
3. Chi phí phải trả dài hạn		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		
5. Phải trả nội bộ dài hạn		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
7. Phải trả dài hạn khác		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	35.021.899.803	18.065.258.000
9. Trái phiếu chuyển đổi		
10. Cổ phiếu ưu đãi		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
12. Dự phòng phải trả dài hạn		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	800.000.000	800.000.000

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Triển khai và ứng dụng văn phòng điện tử, quản lý vật tư; phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự...

Sắp xếp tinh giảm bộ máy quản lý sản xuất theo chương trình tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2018-2025 có tầm nhìn đến 2035, trong năm 2018 đã sắp xếp tinh giảm 02 đầu mối về số phòng trong Công ty.

Chú trọng quan tâm công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác...

Luân chuyển vốn hợp lý để tiết giảm chi phí tài chính; Quy hoạch và đào tạo cán bộ, công nhân phù hợp với từng vị trí công việc; Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Phát huy nội lực, ổn định và giữ vững các sản phẩm truyền thống; Tiếp tục phát triển cơ khí chế tạo, hiện đại hóa cơ khí sửa chữa, đổi mới công nghệ dần tiến tới công nghệ 4.0, đổi mới chất lượng lao động để tăng năng suất lao

động. Chuyển hướng mạnh sang phục vụ cơ khí hóa khai thác than hầm lò, đẩy mạnh hợp tác toàn diện, liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài ngành, trong nước và quốc tế để sản xuất các sản phẩm cơ khí chủ lực phục vụ ngành Than, Điện, Xi măng góp phần hội nhập kinh tế quốc tế đưa VMC trở thành một trong những trung tâm Cơ khí lớn của ngành Than – Khoáng sản Việt Nam.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đúng đắn các thuận lợi và khó khăn trong kinh doanh, đưa ra những quyết sách đúng theo từng thời điểm, tình hình cụ thể, tận dụng tối đa lợi thế trong thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Chủ động áp dụng kịp thời các biện pháp tìm kiếm, tạo việc làm, áp dụng đồng bộ các giải pháp về quản lý. Hội đồng quản trị Công ty đã phân công công việc cụ thể ở từng nội dung, lĩnh vực công tác cho các thành viên, phối hợp giữa các lĩnh vực chặt chẽ, chỉ đạo sâu sát của các thành viên với ban Giám đốc Công ty.

* *Về kết quả sản xuất kinh doanh:* Kết quả sản xuất kinh doanh đạt vượt mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Vốn của cổ đông được bảo toàn, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận, ổn định đời sống người lao động. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2018	TH năm 2017	TH năm 2018	So KH 2018 (%)	So cùng kỳ 2017 (%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.130.000	1.123.717	1.485.000	131	132
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	430.000	441.256	504.147	117	114
3	Tiền lương	tr.đ	81.482	81.340	94.104	115	116
4	Lao động bình quân	Người	936	938	882	94	94
5	Lợi nhuận	tr.đ	8.400	8.583	9.898	118	115

* *Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính*

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất. Trong năm 2018, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...Thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng

cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất, v.v, nhìn chung đã đạt được yêu cầu đề ra.

** Về công tác Tổ chức cán bộ:*

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Đã có nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác tổ chức cán bộ: xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

+ Ban hành các Quy chế quản lý làm cơ sở cho việc điều hành Công ty và các quy chế thường xuyên được rà soát hoàn thiện, trong năm đã bổ sung chỉnh sửa Quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, phân xưởng, Phân công nhiệm vụ Ban Giám đốc…

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Từ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2018 tập trung vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động. Đào tạo cập nhật kiến thức về đấu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

** Về công tác đầu tư xây dựng:*

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng. Cụ thể như sau:

Giá trị thực hiện năm 2018 đạt: 17.388 triệu đồng/ 19.901 triệu đồng đạt 87% kế hoạch điều chỉnh năm, trong đó:

- Chi phí xây lắp: 2.788/2.810 triệu đồng đạt 99% kế hoạch điều chỉnh năm;
- Chi phí thiết bị: 14.431/16.131 triệu đồng đạt 89% kế hoạch điều chỉnh năm;
- Chi phí khác: 169/960 triệu đồng đạt 18% kế hoạch điều chỉnh năm;

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát nội dung yêu cầu quy định trong Luật Xây dựng; Hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định. Nhìn chung các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

** Về hoạt động của Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị đã duy trì các cuộc họp thường kỳ năm 2018, đã tiến hành 14 cuộc họp, các thành viên tham gia họp đầy đủ. Trong năm 2018 mặc dù có sự biến động về nhân sự song các thành viên HĐQT đều tiếp cận công việc nhanh và hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, làm việc chủ động, mẫn cán, phát huy hết năng lực của mình, thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ

được giao một cách trung thực, cẩn trọng, luôn đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông và của Công ty. Các quyết sách lớn, chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo nguyên tắc tập thể, đồng thuận và tham gia dự họp đầy đủ của các thành viên HĐQT. Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã ban hành 14 nghị quyết (từ số 109 đến 122), nội dung các nghị quyết đã bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty tại từng thời điểm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Trong năm 2018 Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên nhiệm vụ giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và kịp thời các biến động trong SXKD để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và chấn chỉnh kịp thời những thiếu sót, vi phạm...Kết quả các cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

** Kết quả giám sát đối với Giám đốc*

Thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ và cụ thể hóa bằng các Nghị quyết của HĐQT, Giám đốc công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện chủ động và khẩn trương; đánh giá đúng các khó khăn trong kinh doanh; đề ra nhiều biện pháp, quyết định quản lý kịp thời, có hiệu quả trong điều hành sản xuất; xác định đúng và tập trung chỉ đạo quyết liệt các mục tiêu chiến lược: sản xuất thép cán, sản xuất vì chống lò, sản xuất cột chống thủy lực, giàn chống, giá chống thủy lực, các thiết bị cho dự án cán thép Tập đoàn Hòa Phát; đẩy mạnh cơ khí chế tạo; từng bước đào tạo đội ngũ làm Tổng thầu trong đấu thầu các Dự án nhằm tạo ra các cân đối lớn và ổn định trong thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động. Vì vậy Công ty đã thực hiện vượt mức toàn diện các chỉ tiêu kinh doanh Đại hội đồng cổ đông thường niên đã quyết nghị.

** Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý*

Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc và do Giám đốc công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao. Kịp thời ra các mệnh lệnh, quyết định các vấn đề về quản lý, chỉ đạo điều hành các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện chống đối, thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc giao đạt hiệu quả tốt. Trong năm qua các cán bộ quản lý cấp phân xưởng, phòng ban đã được HĐQT Công ty đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ được giao, đều đã được bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở dự thảo kế hoạch SXKD năm 2019 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn thống nhất phương hướng, nhiệm vụ của HĐQT năm 2019 như sau:

- Mục tiêu trọng tâm đặc biệt quan trọng là: tăng cường công tác thị trường, tìm kiếm việc làm, tạo việc làm ổn định; không ngừng nâng cao chất

lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục ổn định tổ chức, hoàn thiện tái cơ cấu và định biên lao động; hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh giản lao động để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

- Tập trung chỉ đạo xây dựng và thực hiện công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác... Tiếp tục hoàn thiện quy định khoán chi phí cho các đơn vị sản xuất

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi bổ sung, điều chỉnh các Quy chế quản lý theo đúng quy định của Nhà nước và pháp luật

- Chú trọng quan tâm đến công tác phát triển nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo bổ túc chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên, xây dựng đội ngũ cán bộ năng động, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao. Tiếp tục xây dựng các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp để giữ chân người lao động có trình độ năng lực thu hút nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng quá trình phát triển trước mắt và lâu dài của Công ty.

- Tập trung chỉ đạo công tác chất lượng sản phẩm. Chỉ đạo xây dựng chiến lược về sản phẩm, xác định sản phẩm mũi nhọn để tập trung đầu tư năng lực thiết bị, lao động nhằm tạo ra bước ngoặt trong thực hiện chương trình tăng cường cơ khí chế tạo. Thực hiện đăng ký bản quyền sản xuất các sản phẩm.

- Công tác điều hành sản xuất:

+ Tiếp tục đổi mới công tác điều hành từ nhận thức đến hành động. Tăng cường củng cố khâu tiếp thị, tìm việc làm, hiệu lực điều hành, tổ chức thực hiện.

+ Tổ chức triển khai các nội dung của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo từng tháng, từng quý trong năm đến từng đơn vị sản xuất.

+ Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu theo đúng kế hoạch, hàng quý tổ chức đánh giá, kiểm tra tình hình thực hiện trên toàn bộ các khâu sản xuất, đặc biệt chỉ đạo sản xuất bảo đảm An toàn, Tiến độ, Chất lượng, Hiệu quả. Chú trọng khâu tiêu thụ sản phẩm, hợp tác sản xuất, thuê ngoài, tăng cường công tác quản lý vật tư, quản trị chi phí sản xuất, rà soát các định mức tiêu hao nguyên, nhiên liệu, vật tư, lao động; hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, định mức tồn kho hợp lý, đảm bảo dự trữ các vật tư chiến lược ...Nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đạt hiệu quả trong kinh doanh.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều hành, với các tổ chức chính trị- xã hội trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình kinh doanh vì mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2019, bên cạnh những thuận lợi việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục còn gặp khó khăn về vốn và việc làm. Tuy nhiên cũng có những cơ hội kinh doanh, cơ hội việc làm; Vì vậy đòi hỏi HĐQT và Ban Giám đốc điều hành Công ty phải nắm bắt, chỉ đạo, điều hành kịp thời chớp lấy thời cơ. Khắc phục vượt qua những thách thức gay gắt trước hết là chất lượng và tiến độ, giá thành của sản phẩm do Công ty chế tạo, cung ứng; những nhân tố trên sẽ quyết định khả năng phát triển của Công ty trong năm 2019.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1.Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch HĐQT			Không là thành viên HĐQT từ ngày 01/8/2018
2	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT			Là thành viên HĐQT từ ngày 01/8/2018
3	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, GĐ Công ty	1.312	0,028	
4	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên	14.107	0,3	
5	Phạm Minh Tuấn	Thành viên	1.014	0,02	Không là thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2018.
6	Lê Viết Sự	Thành viên	12.755	0,27	
7	Nguyễn Anh Chung	Thành viên			Là thành viên HĐQT từ ngày 26/4/2018.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN trong năm 2018 đã tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời đã giúp cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh tháo gỡ các khó khăn đặc biệt trong kinh doanh và Đầu tư xây dựng của Công ty mặc dù còn gặp khó khăn về việc làm của một số bộ phận nhưng đã thực hiện được mục tiêu giữ vững sản xuất, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông.

Các chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới trang thiết bị, cải tạo nhà xưởng, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống đều đúng hướng, đúng mục tiêu đã làm thay đổi bộ mặt, hình ảnh của Công ty.

Hạn chế, tồn tại: Mặc dù đạt được rất nhiều thành tích trong công tác thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông, tuy nhiên về công tác quản trị Công ty còn có hạn chế về thu đòi công nợ. Các hạn chế tồn tại này cần phải được khắc phục trong thời gian sớm nhất.

2. Ban Kiểm soát

2.1.Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng ban			
2	Chu Thị Việt Trung	Ủy viên	874	0,019	
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ủy viên	874	0,019	

2.2.Hoạt động của Ban kiểm soát:

Nội dung hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2018 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong công tác quản lý; kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên; kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty; kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN có 03 thành viên, trong đó Trưởng ban hoạt động chuyên trách từ tháng 4/2016. Các thành viên hoạt động theo sự phân công của Trưởng ban.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát luôn duy trì tốt hoạt động giám sát thường xuyên liên tục quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng tháng các thành viên Ban kiểm soát chủ động thực hiện chức năng nhiệm vụ do Trưởng ban phân công, cuối tháng các thành viên tập hợp ý kiến báo cáo Trưởng ban.

Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát họp thông qua các báo cáo giám sát của các thành viên Ban kiểm soát như báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và quý, báo cáo các mặt quản lý của Công ty như lao động, tiền lương, chi phí, giá thành, tồn kho..vv, báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết được ban hành, báo cáo hoạt động của Ban điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Định kỳ sáu tháng và kết thúc năm báo cáo, Ban kiểm soát thực hiện lịch thông báo kế hoạch kiểm tra kiểm soát tổng thể các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra tuân thủ, hợp lệ hệ thống chứng từ chi phí hạch toán kế toán. Thẩm định các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh và các báo cáo khác như đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý lao động tiền lương, quản lý máy móc thiết bị, quản lý vật tư ..vv.

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp để triển khai công việc của Ban vào đầu mỗi quý, cụ thể:

- Quý 1/2018: Họp triển khai công tác kiểm soát báo cáo tài chính quý 4/2017 và chuẩn bị cho việc lập báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018. Xây dựng kế hoạch kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2018 để trình Hội đồng quản trị thông qua.

- Quý 2/2018: Họp triển khai các hoạt động kiểm soát quý 1/2018 theo kế hoạch do Ban Kiểm soát lập.Thẩm đinh báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2018 do Phòng Kế toán - Tài chính Công ty lập.

- Quý 3/2018: Họp triển khai kế hoạch kiểm soát 6 tháng đầu năm về kết quả sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty. Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát để kiểm soát các hoạt động trong quý 3/2018.Triển khai hoạt động kiểm soát kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm tại Công ty, thẩm định số liệu báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng.

- Quý 4/2018: Họp triển khai các nội dung, chương trình kiểm soát quý 3 do Ban kiểm soát lập. Thẩm định số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý 3 và 9 tháng đầu năm 2018.

Kết quả các cuộc họp: Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá các nội dung kiểm soát gửi Hội đồng Quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát

Chủ tịch HĐQT: 5.400.000 đồng/người/tháng.

Uỷ viên HĐQT, Trưởng ban BKS (05 người): 4.600.000 đồng/người /tháng

Uỷ viên BKS, Thư ký Công ty (03 người): 4.200.000 đồng/người /tháng

3.2.Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán (Theo tài liệu đính kèm)./.

Nơi nhận
-UBCKNN, SGDCKHN (b/c);
- Website: www.chetaomay.com.vn;
- HĐQT (e-copy);
- BKS, BGĐ, KTTC (e-copy);
- Lưu VT, TKý Công ty.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5700495999 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY VINACOMIN - TP. CẨM PHẢ - T. QUẢNG NINH

Phạm Minh Tuấn